

TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO, KHOA HỌC HIỆN ĐẠI VÀ CHỦ NGHĨA MÁC DƯỚI GÓC NHÌN TRIẾT HỌC

HỒ BÁ THÂM^(*)

Phật giáo là một tôn giáo lớn có chiều sâu đạo học, triết học vũ trụ và nhân sinh. Phật học chủ yếu nghiên cứu chiều sâu đạo học, triết học ấy. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này, nhưng đáng chú ý là nghiên cứu nó mới ở tính tương quan, hay tương đồng (chứ không phải đồng nhất) với khoa học hiện đại. Ít có nghiên cứu vấn đề này trong quan hệ tương đồng với chủ nghĩa Mác.

Có 3 khuynh hướng trong nghiên cứu hiện nay: Một là, nghiên cứu chứng minh rằng Phật học và khoa học hiện đại là tương đồng (khác trước đây, vì là tôn giáo nên Phật giáo bị coi là trái với khoa học). Nghiên cứu này muốn chứng tỏ rằng chính khoa học hiện đại tìm đến Phật học chứ không phải ngược lại; rằng Phật học là “một siêu khoa học” (hay là dự đoán khoa học) chứ không phải là ảo vọng. Tuy nhiên, nghiên cứu như thế lại ít liên hệ với nhận thức triết học biện chứng trong lịch sử⁽¹⁾.

Một khuynh hướng khác cũng chứng minh khoa học hiện đại và Phật học có sự tương đồng, nhưng từ đó lại bác bỏ chủ nghĩa duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác, coi nó như một phương pháp sai lạc khi nhận thức chân lí, tức bản chất của thế giới⁽²⁾.

Khuynh hướng thứ ba nghiên cứu sự tương đồng, bổ sung giữa khoa học hiện đại và chủ nghĩa duy vật biện chứng⁽³⁾. Ở đây các thành tựu khoa học hiện đại vừa chứng minh tính biện chứng chiều sâu của thế giới vừa làm sâu sắc thêm nó.

Riêng chúng tôi, qua nghiên cứu thấy rằng xét về mặt triết học biện chứng thì có sự tương đồng nhất định giữa Phật học, khoa học hiện đại và triết học biện chứng của chủ nghĩa Mác. *Có thể coi đây là cách tiếp cận thứ tư về chủ đề này.*

Thực ra ít có nghiên cứu về sự tương đồng, bổ sung giữa triết học Mác và triết học của Phật giáo (hay nói chung là triết học Phương Đông). Nói cách khác, ngày nay người ta phát triển triết học Mác không chỉ từ thành tựu văn minh đương đại mà cả từ văn minh cổ Phương Đông. Trước kia, nếu có nghiên cứu về triết học Phương Đông thì thường mang tính phê phán về mặt thế giới quan, mặt khác biệt và loại trừ là chính. Ngày nay tư duy biện chứng về vấn đề này đã khác trước nhiều. Các vấn đề được nghiên cứu lại khác

*. Viện Nghiên cứu Xã hội TPHCM.

1. Xem: Đạo của vật lí hoặc: Minh Giác. *Đạo Phật và khoa học*, Nxb. Tôn giáo, 2005.

2. Nguyễn Đăng Dũng. *Bản chất của sự sống*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

3. Lê Văn Giảng đã viết một số sách về chủ đề này.

quan hơn, ít bị chi phối bởi ý thức hệ chủ quan. Sang thời kì Đổi mới, Đảng ta đã nhận xét rằng đạo đức tôn giáo có phần phù hợp với đạo đức xã hội chủ nghĩa, nhưng về mặt biện chứng pháp và thế giới quan, chúng ta chưa có được kết luận nào đáng lưu ý và có tinh thần đổi mới.

Các nghiên cứu nhìn chung, tuy ở mức độ khác nhau, đều được xem xét trên cả góc độ bản thể luận, nhận thức luận và nhân sinh quan. Sau đây chúng ta cũng xem xét về đại thể các vấn đề như vậy.

1. Ngày nay khoa học hiện đại chỉ ra rằng thế giới này không chỉ có cái vật chất hữu hình như vật thể, thể chất mà có cả cái “vật chất” vô hình như năng lượng, thông tin, ánh sáng, trường, tức các vi tế, sóng - hạt mà cái sau này mới là nguồn gốc của cái trước. Bản chất chiều sâu của thế giới không phải là vật, thể chất mà là một “bong sóng”, “tơ trời”, một cái “hư vô”, “chân không”. Điều mà A. Einstein và nhiều nhà khoa học hiện đại tìm ra lại được Đức Phật đã nói tới như một trực giác, hay là những dự đoán thiên tài, như cách nói của Ăngghen.

Vào thời đại của mình, C. Mác và Ph. Ăngghen hay V.I. Lênin chưa biết đến những khám phá của vật lí học lượng tử, hay gen sinh học, nhưng trên cơ sở nghiên cứu khoa học tự nhiên, các ông cũng đã cho rằng bản chất của “thế giới vật chất” (“vật chất” được hiểu như một “phạm trù triết học”) trong tính vô tận và bất diệt của nó là mang tính vật chất, dù nó hữu hình hay vô hình, rằng các hình thức vật chất ấy chuyển hóa cho nhau. Vật chất ở đây không thể quy về một dạng vật thể nào mà là ở sự tác động qua lại giữa chúng. Nhưng việc phát hiện ra bản chất vừa sóng - vừa hạt, phi vật

phi tâm của thực tại vật chất càng cho thấy rằng con người có khả năng nhận thức nó, dù chỉ mới bước đầu trên con đường vạn dặm. Nhận thức đó là cả bằng khoa học, triết học và bằng cả đạo học. Bởi như Đức Phật nói: “*Vật là Tâm thô kệch. Tâm là vật vi tế*”⁽⁴⁾, nên không có sự phân chia cơ bản giữa tâm và vật, giữa sóng và hạt. Thế giới là “duy tâm biến hiện” chứ không phải ý thức tinh thần chủ quan. Ngay cả “tâm linh”- như lực thứ năm (giả thuyết) liên kết các lực cơ bản khác thì nó cũng được hiểu ở dạng “vật chất vi tế” ấy chứ không theo nghĩa thần thánh hay ý thức chủ quan của con người, kể cả “ý niệm tuyệt đối” của Hêghen. Ý niệm tuyệt đối của Hêghen, nếu hiểu là tinh thần hoàn toàn phi vật chất là “duy tâm khách quan”, nhưng nếu chúng ta hiểu theo tinh thần chữ Tâm của Phật học, tức vật chất mịn, sóng hạt, trường thì có phần hợp lí và dự đoán thiên tài về nguồn gốc của sự sinh thành vũ trụ. Như vậy, Tâm mới tồn tại thực còn vật là tồn tại ảo, tức chỉ tồn tại tạm thời và sẽ biến mất và nó phụ thuộc vào Tâm. Ý nghĩa thế giới vật chất mà khoa học vật lí hay triết học quan niệm trước đây (theo nghĩa vật thể, thể chất) cũng như hiện nay (thế giới của sóng hạt, vi tế, bong sóng, tơ trời) “chỉ là một quan niệm” theo nghĩa nhận thức luận. Như vậy, vật chất chỉ là một *khái niệm* phản ánh⁽⁵⁾ hiện thực khách quan một cách chủ quan. Thế giới hiện thực là có thật dù nhận thức của chúng ta về nó chỉ là một quan niệm, một khái niệm, chứ không phải thế giới có thật lại phụ thuộc vào ý thức con người hay ý thức của thần thánh.

4. Minh Giác. Sđd., tr. 235.

5. Minh Giác. Sđd., tr. 259.

2. Phật giáo cũng đã phác thảo một thế giới tinh thần, ý thức và không chỉ nhận thức bằng 5 căn tương hỗ (5 giác quan) mà cả bằng nhiều căn khác nhưng tựu trung là căn thứ sáu, tức 6 căn chứ không phải 5 căn. Căn thứ 6 tức ý thức. Thậm chí cụ thể hơn thì sau ý thức còn có thức thứ 7 là Mạt Na thức và thức thứ 8 là Tàng thức. Ý thức ở chiều sâu trực giác, không chỉ ở tiềm thức mà cả vô thức, diệu tâm. Ở chiều sâu ấy, tàng thức, tịnh sắc căn liên thông với diệu tâm, đi sâu vào diệu tâm. Tiền ngũ thức là 5 căn bên ngoài, còn tịnh sắc căn mới là căn bên trong nghe thấy hết mọi thế giới. Có người nhận xét rằng về mặt này có sự trùng hợp, tương đồng kì lạ giữa Đức Phật và Freud. Và không chỉ là Freud mà là cả một trào lưu (Jung, Fromm, Assagioli...) với nhiều dáng vẻ và nội dung cách tâm khác nhau⁽⁶⁾.

Chúng ta ngày càng hiểu rằng nhận thức, ý thức của con người không chỉ là bằng tính duy lí và lôgic suy luận hay thực nghiệm khoa học mà cả bằng trực giác tâm linh và thực nghiệm tâm linh, tức dạng nhận thức đạo học. Nhận thức không chỉ bằng 5 giác quan như một thời chúng ta chỉ hiểu như vậy mà bằng tất cả những gì trong chiều sâu tâm thức, quang năng của bộ óc người như một tiểu vũ trụ còn nhiều bí ẩn, nằm ngoài 5 giác ấy. Sự thực là 5 giác quan của con người dù là khởi đầu tạo nên cảm giác của nhận thức cảm tính và lí tính, nhưng nó chưa phải là tất cả. Nhiều động vật có khả năng nhận biết thông tin ở chiều sâu mà 5 giác quan của con người không nhận thấy. Nhưng thật ra con người, một động vật tiến hóa cao nhất trong giới tự nhiên, cũng có tất cả các khả năng ấy, nhưng khi con người phát triển mạnh về tư duy

lí tính thì thường bị khả năng lí tính ấy lấn át. Thật ra, *chỉ có sự tương đồng giữa óc người với vũ trụ thì con người mới nhận thức được bí mật của thế giới*. Con người và vũ trụ là đồng nhất thể. Tâm con người (năng lực phản ánh) và tâm vũ trụ là một. Như vậy là ở con người có tất cả những khả năng nhận thức và giao tiếp tự nhiên thiên phú và lại có cả khả năng nhân tạo, có ý thức mà không động vật nào thực sự có hay đạt được trình độ ấy. Chỉ có điều là những khả năng này ở con người, cũng như những bí mật của vũ trụ, càng ngày con người mới dần dần hiểu ra.

Điều đáng chú ý là ngoài ý thức, vô thức như là sản phẩm của hoạt động tinh thần từ ý thức chuyển thành vô thức và có cả sự hình thành vô thức ngay từ đầu - những hình ảnh đi vào não bộ không qua ý thức. Nhưng ngay cả ý thức vô thức này là qua các giác quan phi ý thức. Còn một điều nữa, khả năng thần giao cách cảm, truyền tư tưởng từ xa thì không đơn giản và có thể không phải là cái vô thức mà các trường phái Phân tâm học đã nêu lên. Nó là cái sau - siêu vật lí và sau - siêu tâm lí, nghĩa là nó truyền đi hay thu nhận bằng một trường nào đó khác với trường ý thức, dù nó *vẫn liên hệ, hay liên thông với trường ý thức, trường vô thức*. Điều này khoa học chưa thể giải thích rõ.

Những năm gần đây, người ta không chỉ tìm hiểu và chứng minh năng lực

6. Xem: *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, 2004. Ở đây trường phái Phân tâm học do Freud mở đầu, nhưng trong trường phái này lại có nhiều trường phái, trong đó quan niệm sau Freud như của Jung là rất đáng lưu ý. Vô thức ở Freud là cái hăm nhà chứa đựng phần lớn tâm tính, thói xấu của con người còn ở Jung thì chứa phần lớn trí tuệ của con người, hay ở Assagioli lại chứa tâm linh, siêu thức của con người, tức phần chìm của tảng băng trôi, lớn hơn, bí ẩn hơn phần nổi.

thần diệu, như thần giao cách cảm, năng lực đọc ý nghĩ của người khác, v.v... mà còn đưa ra những giả thuyết khác như khả năng tìm mộ, giao tiếp được với người chết mà trước kia có thể bị coi là ma thuật. Có thể là các hình ảnh âm thanh hay hình dạng của con người đã chết được lưu lại dưới dạng trường - thông tin trong không gian ở một mức độ nào đó. Khoa học vật lý tạm gọi hiện tượng này là "bức xạ tàn dư". Thực ra, theo tôi, người chết không thể phản ánh, hay biết được những gì sau khi đã chết. Người chết, não ngừng hoạt động thì không thể có ý thức hoạt động như trước nữa, dù có thể còn một trường tâm thần lưu giữ nó.

3. Về mặt nhân sinh quan, Phật học triết lý về sự giải thoát khỏi bể khổ của cuộc đời là một thực tại. Tu luyện tâm linh (cả đạo đức và trí tuệ) và giải thoát là một con đường giải thoát chúng sinh. Đạo Phật và tôn giáo nói chung là hướng Thiện, là hướng tới từ bi, bác ái cho chúng sinh, dù có khi mang tính siêu nhiên thần thánh có khi mang tính vô thần hoặc thế tục. Đó là tinh thần nhân văn là cao cả. *Tinh thần tôn giáo như vậy là nửa phần hồn của nhân loại*. Chính vì vậy, ngày nay chúng ta nhận thấy rõ hơn đạo đức tôn giáo, chủ nghĩa nhân văn tôn giáo có mặt phù hợp với định hướng nhân văn xã hội chủ nghĩa. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người sớm nhất tìm thấy sự tương đồng nhân văn, sự bổ sung giữa chủ nghĩa xã hội nhân văn và tinh thần nhân văn tôn giáo. Khoa học nhằm tìm ra quy luật tự nhiên và xã hội để giúp con người làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân. Chủ tịch Hồ Chí Minh vì vậy đã cho rằng *chủ nghĩa xã hội cộng với tiến bộ khoa học và công*

nghệ sẽ đưa nhân loại đến phồn vinh và hạnh phúc.

Chủ nghĩa Mác ra đời dựa trên các thành tựu khoa học của thời đại, trí tuệ và văn hóa của nhân loại trước hết là ở Phương Tây và đã nghiên cứu khoa học, tổng kết khá toàn diện tư tưởng nhân loại và thực tiễn đương thời. Chủ nghĩa Mác dưới hình thức chủ nghĩa xã hội là một phong trào thế tục, phong trào cách mạng và trọng lý với tinh thần nhân văn Phương Tây trong cội nguồn tự nhiên của nó. Nhưng chủ nghĩa nhân văn Phương Tây, một đỉnh cao của sự phát triển và được thanh lọc qua chủ nghĩa duy vật biện chứng và thực tiễn, nên có giá trị phổ biến cho cả Phương Đông. Lúc đó chủ nghĩa Mác, với tinh thần duy vật biện chứng, đã phê phán thế giới quan duy tâm tôn giáo nhưng vẫn nhận thấy nhu cầu tôn giáo là khách quan và có tính nhân bản của nó.

Chủ nghĩa Mác đã vượt lên tư duy đương thời cả về mặt khoa học, triết học và nhân bản tôn giáo, tạo nên tư duy biện chứng tổng hòa vĩ đại và đã thể hiện trong sự phân tích các nguyên nhân của sự tha hóa nhân loại, nhất là trong xã hội tư bản và tìm quy luật, tìm lực lượng trung tâm và phương tiện trong đời sống hiện thực để giải phóng giai cấp, giải phóng loài người khỏi cảnh nô lệ lầm than, con người đọa đày con người, sự tha hóa tận cùng và toàn diện cả trong kinh tế, chính trị và tôn giáo. Chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa nhân văn thực tiễn, toàn diện và triệt để chưa từng có.

Triết học Mác là duy vật biện chứng, duy vật thực tiễn và nhân văn, là thành tựu vĩ đại bậc nhất của tư duy nhân loại, vẫn là triết học của thời đại chúng ta và

cả trong tương lai. Theo sự bình chọn của những tổ chức có uy tín trên thế giới thì Mác vẫn là nhà triết học đứng ở hàng đầu trong 10 nhà triết học vĩ đại nhất mọi thời đại. Vậy còn triết học Phật giáo thì sao? Tôi nghĩ Đức Phật cũng có mặt trong top 10 người ấy. A. Einstein từng nói rằng nếu tương lai cần một tôn giáo vũ trụ có khả năng bao quát cả khoa học và tôn giáo thì đó là Phật giáo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng chủ nghĩa Mác vẫn còn đúng với thế giới Phương Đông, nhưng cần bổ sung vào nguồn gốc lịch sử của chủ nghĩa Mác về dân tộc học Phương Đông, tức văn hóa Phương Đông. Hiện nay, dưới ánh sáng khoa học hiện đại, và thực tiễn xã hội toàn cầu hóa, hòa bình, hợp tác và phát triển, Phương Đông vươn tới văn minh Phương Tây, đồng thời Phương Tây lại đang hướng về, tìm về Phương Đông như tìm về một nửa của chính mình.

Triết học Mác là đỉnh cao sáng tạo của trí tuệ loài người nhưng chủ yếu là từ văn minh Phương Tây. Trí tuệ Phương Đông thì nổi bật nhất vẫn là trí tuệ Nho - Phật - Đạo. Nho giáo nhập thể với triết lí chính trị, đạo đức, nhân sinh gắn với cách mạng của chủ nghĩa Mác; Phật - Đạo với triết lí hòa đồng vũ trụ lại gần gũi với triết học sinh thái của chủ nghĩa Mác, đồng thời tư tưởng giải thoát tâm linh và đề cao nhận thức trực giác lại bổ sung cho triết học Mác.

Tất nhiên, ngày nay chúng ta cần xây dựng lại triết học Mác hiện đại trên tầm tư duy biện chứng và nhân văn sinh thái ấy. Chúng ta nhận thấy giữa khoa học, tôn giáo và chủ nghĩa Mác, tuy có những khác biệt không nhỏ, nhưng trong chiều sâu của chúng có nhiều mặt tương đồng.

Chỉ với tinh thần vì con người, tinh thần nhân bản, nhân đạo và nhân văn thì những mặt hợp lí và tiến bộ, nhân đạo giữa khoa học, Phật giáo hay tôn giáo nói chung và chủ nghĩa Mác nói riêng, loài người mới được giải phóng và hạnh phúc toàn diện trong tương lai. Triết học nhân văn mới, tức chủ nghĩa duy vật nhân văn, là phương hướng chủ yếu của sự phát triển triết học; nó tích hợp cả nhân văn tôn giáo và không tôn giáo, tôn giáo và khoa học.

Từ đây, chúng ta mới hiểu lí tưởng nhân văn và phương pháp luận “cầu đồng tôn dị” trong triết lí của dân tộc mà cũng là của Hồ Chí Minh khi Người nói về điểm chung giữa các học thuyết và tư tưởng phổ biến.

Từ những trình bày trên đây có thể tạm kết luận rằng, về cơ bản có sự tương đồng giữa khoa học hiện đại, triết lí Phật giáo và biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác và chúng bổ sung cho nhau các phần chân lí ở các góc độ bản thể luận, nhận thức luận, phương pháp luận và nhân sinh quan. Hướng tới *một nền triết học tổng hợp, tổng hòa, khai phóng* cho nền văn minh mới, nền văn minh trí tuệ và sinh thái với nguyên lí bổ sung hơn là loại trừ, là hết sức cấp bách.

Nếu ngày nay loài người cần một triết học cho sự khai phóng cả hiện tại và tương lai thì triết học xứng đáng nhất, đáng tin cậy nhất, đó là *Triết học Mác đang phát triển theo hướng biện chứng và nhân văn* trong sự phát triển mới của thời đại. Đây có lẽ cũng là phương thức khả dĩ có thể vượt qua cái khủng hoảng toàn cầu về tinh thần và sinh thái trong thời đại của chúng ta./.